TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 105/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận N, ngày 05 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 143; khoản 2 Điều 146; Điều 149; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 90/2023/HNST ngày 24/4/2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Võ Vinh H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 27/16 Đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thụy Anh C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 27/16 Đường N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Võ Vinh H và bà Nguyễn Thụy Anh C thật sự tự nguyện ly hôn. Quá trình chung sống giữa ông H và bà C có 02 (hai) con chung tên Võ Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 26/3/2006 và trẻ Võ Anh M (nam), sinh ngày 02/4/2011; đôi bên thống nhất sau khi ly hôn, giao hai người con chung là trẻ Võ Ngọc Minh A và trẻ Võ Anh M cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Võ Vinh H và bà Nguyễn Thụy Anh C cùng tự khai tài sản do hai bên tự thỏa thuận, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy sự thỏa thuận nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 26 tháng 4 năm 2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Vinh H và bà Nguyễn Thụy Anh C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Võ Vinh H và bà Nguyễn Thụy Anh C thống nhất sau khi ly hôn giao 02 (hai) con chung tên Võ Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 26/3/2006 và trẻ Võ Anh M (nam), sinh ngày 02/4/2011 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Võ Vinh H và bà Nguyễn Thụy Anh C cùng khai đôi bên tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Võ Vinh H và bà Nguyễn Thụy Anh C cùng khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Võ Vinh H và bà Nguyễn Thụy Anh C mỗi người chịu 150.000 đồng, được trừ vào số tiền ông Võ Vinh H và bà Nguyễn Thụy Anh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010592 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi

Cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Vinh H và bà Nguyễn Thụy Anh C đã đóng đủ lệ phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận N;
- UBND Phường M, Quận N, Tp.HCM (Giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn số 47, quyển 01/2004, ngày 07/4/2004;
- Chi Cục THADS Quận N;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Ngọc Bích